

# MẪU SỐ 6A

## HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT  
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

## HỒ SƠ MỜI THẦU

**Số hiệu gói thầu và số E-TBMT** (*trên Hệ thống*):

\_\_\_\_\_

**Tên gói thầu** (*theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống*):

**Gói thầu số 1: Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật**

**Dự án/dự toán mua sắm** (*theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống*):

**Sửa chữa đột xuất mặt đường BTXM đoạn Km1380+680 – Km1431+00, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum**

**Phát hành ngày** (*theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống*):

\_\_\_\_\_

**Ban hành kèm theo Quyết định** (*theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống*):

\_\_\_\_\_

## MỤC LỤC

**Mô tả tóm tắt**

**Từ ngữ viết tắt**

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**

**Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

### **Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

**Chương V. Điều khoản tham chiếu**

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

#### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

#### **Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

#### **Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

#### **Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin

vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSDT của mình.

## **Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **Chương V. Điều khoản tham chiếu**

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

## **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

### **Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

### **Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

### **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<b>1. Phạm vi gói thầu</b>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<b>3. Nguồn vốn</b>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>4. Hành vi bị cấm</b>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai</p>

sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8

	<p>Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định</p>

	<p>của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Điều khoản tham chiếu.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-</p>

HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.

7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.

7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị

	không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b> .
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại <b>E-BDL</b> . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
<b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
<b>10. Thành phần của E-HSDT</b>	E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC: 10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b> .
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
<b>12. Giá dự thầu và giảm giá</b>	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.  Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.

	12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b> .
<b>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b>	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
<b>14. Đề xuất kỹ thuật</b>	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<b>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b>	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<b>16. Thời điểm đóng thầu</b>	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<b>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b>	17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các

	<p>thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p><b>18. Mở E-HSDXKT</b></p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<p><b>19. Đánh giá E-HSĐXKT</b></p>	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>E-BDL</b> để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</li> <li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</li> </ul> </li> </ul> <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn</li> </ul>

	<p>cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.</li> <li>- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.</li> <li>- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.</li> <li>- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.</li> <li>- Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá.</li> <li>- Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.</li> </ul> <p><b>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</b></p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p><b>20. Mở E-HSDXTC</b></p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p>

	<p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>);</li> <li>- Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<p><b>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</b></p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>
<p><b>22. Bảo mật</b></p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa</p>

	<p>chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p><b>23. Làm rõ E-HSDT</b></p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do</p>

	nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
<b>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</b>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<b>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp</p>

	<p>đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSĐT.</p>
<p><b>26. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSĐT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý</p>

	<p>dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p><b>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc</li> <li>- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.</li> </ul> <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà</p>

thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;
- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
- g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà

	<p>thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Bên mời thầu gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p><b>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>29. Hủy thầu</b></p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định</p>

	<p>khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p><b>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng.</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật;</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong</p>

	<p>thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<b>31. Tùy chọn mua thêm</b>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>E-BDL</b> và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<b>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<b>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</b>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Dự thảo hợp đồng;</li> <li>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu;</li> <li>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;</li> <li>d) Biên bản thương thảo hợp đồng;</li> <li>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</li> <li>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</li> </ol>

	<p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại <b>E-BDL</b>, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p><b>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên Chủ đầu tư: Khu Quản lý Đường bộ III
<b>E-CDNT 1.2</b>	<p>Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Sửa chữa đột xuất mặt đường BTXM đoạn Km1380+680 – Km1431+00, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum.</p>
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn: <i>Ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ).</i>
<b>E-CDNT 5.1 (c)</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III, địa chỉ: số 16 Lý Tự Trọng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng</li> <li>+ Bên mời thầu: Ban Quản lý dự án 5, địa chỉ: số 10B Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng</li> </ul> </li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: Ban Quản lý dự án 5, địa chỉ: số 10B Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng</li> <li>+ Thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu: Khu Quản lý đường bộ III; Địa chỉ: số 16 Lý Tự Trọng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng</li> </ul> </li> </ul> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.</p> <p>Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn</li> </ul>

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>: _____ [<i>Hệ thống tự trích xuất</i>].</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
<b>E-CDNT 7.3</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
<b>E-CDNT 8</b>	Chi phí nộp E-HSDT: _____ [ <i>Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành</i> ]
<b>E-CDNT 10.3</b>	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử đến ngày 31/12/2024 hoặc Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế đến ngày 31/12/2024 (tài liệu này có thể không đính kèm trong E-HSDT nhưng phải được nhà thầu cung cấp khi được mời vào đối chiếu tài liệu);</p>

<sup>1</sup> Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên”. Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi, bổ sung.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức còn hiệu lực: Tư vấn <b>khảo sát xây dựng</b> hạng III hoặc cao hơn và thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ hạng III hoặc cao hơn; Trường hợp Liên danh thì từng thành viên phải thỏa mãn yêu cầu tương ứng với phần việc đảm nhận;</li> <li>- Các tài liệu quy định theo nội dung trong các file đính kèm chương III (Tiêu chuẩn đánh giá), chương V (Điều khoản tham chiếu), chương VIII (biểu mẫu hợp đồng) và file đính kèm khác trong E-HSMT.</li> <li>- Thỏa thuận Liên danh (nếu có), trong đó phải nêu rõ: trách nhiệm của thành viên đứng đầu Liên danh và khi thành viên trong Liên danh không còn khả năng, năng lực để tiếp tục thực hiện, hoặc không bảo đảm tiến độ yêu cầu; trách nhiệm chung, riêng của từng thành viên về chất lượng, phạm vi, khối lượng hạng mục thực hiện... Trường hợp thỏa thuận Liên danh không nêu hoặc có nêu nhưng chưa rõ được hiểu thành viên đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện.</li> <li>- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm: Hợp đồng tương tự, kèm theo thanh lý Hợp đồng hoặc xác nhận hoàn thành Hợp đồng... Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện. Đối với nhà thầu phụ phải đính kèm các tài liệu: (i) Hợp đồng ký giữa Nhà thầu chính và Chủ đầu tư, Hợp đồng ký giữa Nhà thầu phụ với nhà thầu chính, các phụ lục hợp đồng (nếu có); (ii) Văn bản chấp thuận của Người có thẩm quyền về sử dụng nhà thầu phụ hoặc các tài liệu liên quan khác để chứng minh việc tham gia thực hiện hợp đồng hợp pháp của nhà thầu phụ.</li> <li>- Các tài liệu khác liên quan.</li> <li>- Đối với các tài liệu cần thiết mà nhà thầu phải đính kèm trong E-HSMT để chứng minh năng lực và kinh nghiệm, để đảm bảo tính xác thực, thống nhất, liên tục của tài liệu đó, tránh hiện tượng làm giả/sai lệch, các tài liệu này phải có chữ ký hoặc đóng dấu giáp lai vào các trang của các bên liên quan (hoặc bằng hình thức khác tương đương), hoặc tài liệu phải được công chứng, chứng thực. Tài liệu không đảm bảo yêu cầu trên sẽ không được xem xét, đánh giá.</li> <li>- Trường hợp tài liệu chưa đủ rõ để xác định khả năng đáp ứng thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc trực tiếp liên hệ với cơ quan liên quan để xác minh. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để xác minh khi có yêu cầu. Trường hợp kê khai không trung thực thì coi là hành vi gian lận và HSMT sẽ bị loại.</li> </ul>
<b>E-CDNT 12.2</b>	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu

<b>E-CDNT 14.3</b>	<i>Trường hợp không áp dụng thì ghi rõ: Không áp dụng</i>
<b>E-CDNT 15.1</b>	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: $\geq 90$ ngày [trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 19.1</b>	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: + Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm + Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá
<b>E-CDNT 21.2</b>	Xếp hạng nhà thầu: “nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất”.
<b>E-CDNT 26.3</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu của nhà thầu [tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Chủ đầu tư ghi tỷ lệ %].
<b>E-CDNT 28.4</b>	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: - Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói thì ghi "bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)"; - Đối với phần công việc áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá: Không bao gồm chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.
<b>E-CDNT 31</b>	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng
<b>E-CDNT 33.2</b>	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
<b>E-CDNT 34.2</b>	- Người có thẩm quyền: Cục Đường Bộ Việt Nam. + Địa chỉ: Ô D20 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội + E-mail: khkt.cqldb3@gmail.com. - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: Ô D20 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội + E-mail:
<b>E-CDNT 35</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: + Cục Đường bộ Việt Nam.

	+ Địa chỉ: Ô D20 KĐT mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội
--	--

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Vi dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức còn hiệu lực: Tư vấn **khảo sát xây dựng** hạng III hoặc cao hơn và thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ hạng III hoặc cao hơn; Trường hợp Liên danh thì từng thành viên phải thỏa mãn yêu cầu tương ứng với phần việc đảm nhận.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

#### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ

chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

**Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)**

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu(Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	10,00		6,00
1.1	<p>Trong vòng 05 năm gần đây, nhà thầu đã thực hiện hoàn thành các hợp đồng tư vấn khảo sát, thiết kế bước bản vẽ thi công hoặc bước thiết kế kỹ thuật hoặc bước lập dự án đầu tư công trình xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa công trình giao thông đường bộ trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó mỗi hợp đồng có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT và tổng hợp các hợp đồng phải có đầy đủ các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT được tính là 01 hợp đồng tương tự.</p> <p>Ghi chú:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời điểm để xác định hợp đồng tương tự đã hoàn thành là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành.</li> <li>- Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh, song phải đảm bảo từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (xét năng lực, kinh nghiệm tương ứng với công trình/hạng mục đảm nhận trong thỏa thuận liên danh).</li> <li>- Nhà thầu phải gửi kèm các tài liệu để chứng minh gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư hoặc</li> </ul>	7,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có <math>\geq 03</math> hợp đồng đáp ứng các yêu cầu: 7,0 điểm;</li> <li>- Có 02 hợp đồng đáp ứng các yêu cầu: 5,0 điểm;</li> <li>- Có 01 hợp đồng đáp ứng các yêu cầu: 3,0 điểm;</li> <li>- Không có hợp đồng hoặc có hợp đồng nhưng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu: 0 điểm.</li> </ul>	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>các tài liệu liên quan tương đương khác và tài liệu chứng minh tính chất của hợp đồng;</p> <p>- Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện. Đối với nhà thầu phụ phải đính kèm các tài liệu:</p> <p>(i) Hợp đồng ký giữa Nhà thầu chính và Chủ đầu tư, Hợp đồng ký giữa Nhà thầu phụ với nhà thầu chính, các phụ lục hợp đồng (nếu có);</p> <p>(ii) Văn bản chấp thuận của Chủ đầu tư về sử dụng nhà thầu phụ hoặc các tài liệu liên quan khác để chứng minh việc tham gia thực hiện hợp đồng của nhà thầu phụ.</p> <p>(iii) E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.</p>			
1.2	<p>Phương tiện làm việc và máy móc thiết bị:</p> <p>+ 01 Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đủ điều kiện thí nghiệm các công tác thí nghiệm trong nhiệm vụ khảo sát được yêu cầu;</p> <p>+ 02 máy thu GPS RTK (RTK: viết tắt của Real-Time Kinematic là thiết bị đo chuyên dụng tăng độ chính xác của tín hiệu GPS dựa trên sóng mạng);</p> <p>+ 01 Máy toàn đạc điện tử;</p> <p>+ 01 Máy thủy bình;</p> <p>+ Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác khảo sát, thiết kế (phần mềm khảo sát, thiết kế...);</p> <p>Trường hợp liên danh thì số lượng máy móc thiết bị bằng tổng số lượng của các thành viên tham gia liên danh;</p> <p>Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu gồm: giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của cơ quan</p>	3,00	<p>- Đề xuất đầy đủ, đáp ứng tất cả yêu cầu: 3,0 điểm;</p> <p>- Đề xuất thiếu nội dung áp dụng công nghệ thông tin: 2,0 điểm;</p> <p>- Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc không đáp ứng tất cả yêu cầu: 0 điểm.</p>	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	có thẩm quyền cấp; tài liệu chứng minh sở hữu thiết bị hoặc hợp đồng nguyên tắc trong trường hợp đi thuê; giấy chứng nhận kiểm định còn thời hạn tính đến thời điểm đóng thầu hoặc các tài liệu khác tương đương.			
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (năm 2022, 2023, 2024)	5,00		
2.1	<p>Không thuộc một trong các trường hợp:</p> <p>* Uy tín thông qua việc tham dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng;</li> <li>- Đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 43 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP;</li> <li>- Được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;</li> <li>- Rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</li> </ul> <p>* Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các hợp đồng trước đó bị Chủ đầu tư có văn bản cảnh cáo trở lên do vi phạm chất lượng, tiến độ và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.</li> </ul>	5,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thuộc một trong các trường hợp nêu trên: 5,0 điểm</li> <li>- Thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó có 01 công trình bị Chủ đầu tư có văn bản phê bình do vi phạm chất lượng, tiến độ: 03 điểm;</li> <li>- Thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó có 01 công trình bị Chủ đầu tư có văn bản cảnh cáo do vi phạm chất lượng, tiến độ: 01 điểm;</li> <li>- Không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng; hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng; hoặc được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến</li> </ul>	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			hành hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng hoặc rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu hoặc có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu hoặc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó bị Chủ đầu tư có từ 02 văn bản cảnh cáo do vi phạm chất lượng, tiến độ: 0 điểm.	
3	Giải pháp và phương pháp luận(Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	35,00		21,00
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu	4,00		2,40
3.1.1	Am hiểu về mục đích, phạm vi, quy mô, nhiệm vụ của công trình và đặc điểm vị trí công trình đã nêu trong điều khoản tham chiếu tại chương V của E-HSMT	2,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý: 2,0 điểm.</li> <li>- Có trình bày tương đối đầy đủ: 1,2 điểm.</li> <li>- Không trình bày hoặc trình bày không đúng, không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.</li> </ul>	1,20
3.1.2	Am hiểu về các văn bản quy định hiện hành của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công tác Khảo sát, Thiết kế công trình	1,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý: 1,0 điểm.</li> <li>- Có trình bày tương đối đầy đủ: 0,6 điểm.</li> <li>- Không trình bày hoặc trình bày không đúng, không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.</li> </ul>	0,60

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.1.3	Am hiểu về nhiệm vụ của Khảo sát, Thiết kế công trình phù hợp theo quy định.	1,00	- Trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý: 1,0 điểm. - Có trình bày tương đối đầy đủ: 0,6 điểm. - Không trình bày hoặc trình bày không đúng, không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.	0,60
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	18,00		10,80
3.2.1	Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu tại chương V của E-HSMT. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ, đồng thời có phân công nhiệm vụ cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.	12,00	- Đề xuất các nội dung yêu cầu đầy đủ, chi tiết và phù hợp: 12,0 điểm; - Có đề xuất các nội dung yêu cầu tương đối đầy đủ: 7,2 điểm - Không trình bày hoặc trình bày không đúng, không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.	7,20
3.2.2	Đề xuất quy trình kiểm soát và trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu Thiết kế: Nhà thầu đề xuất quy trình kiểm soát và trao đổi hiệu quả giữa Chủ đầu tư và nhà thầu Thiết kế.	3,00	- Đề xuất đầy đủ, chi tiết và phù hợp: 3,0 điểm; - Có đề xuất các nội dung yêu cầu tương đối đầy đủ: 1,8 điểm - Không trình bày hoặc trình bày không đúng, không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.	1,80
3.2.3	Đề xuất quy trình quản lý chất lượng đối với nhà thầu Thiết kế: Nhà thầu đề xuất quy trình quản lý chất lượng phù hợp quy định	3,00	- Đề xuất đầy đủ, chi tiết và phù hợp: 3,0 điểm; - Có đề xuất các nội dung yêu cầu tương đối đầy đủ: 1,8 điểm - Không trình bày hoặc trình bày không đúng, không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.	1,80
3.3	Sáng kiến cải tiến	1,00		0,60

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến công tác khảo sát, thiết kế để thực hiện tốt hơn các công việc, nâng cao hiệu quả thực hiện	1,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đề xuất các sáng kiến cải tiến hợp lý, khả thi để thực hiện tốt hơn các công việc, nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu một cách rõ ràng, thiết thực: 1,0 điểm;</li> <li>- Có đề xuất các sáng kiến cải tiến tương đối hợp lý, khả thi để thực hiện tốt hơn các công việc, nâng cao hiệu quả thực hiện gói thầu một cách tương đối rõ ràng, tương đối thiết thực: 0,6 điểm;</li> <li>- Không có đề xuất hoặc có đề xuất các sáng kiến cải tiến nhưng không hợp lý hoặc không hiệu quả: 0 điểm;</li> </ul>	0,60
3.4	Cách trình bày đề xuất	2,00		1,20
3.4.1	Cách trình bày đề xuất	2,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đề xuất với bố cục hợp lý, logic và dễ theo dõi: 2,0 điểm;</li> <li>- Có trình bày đề xuất với bố cục tương đối hợp lý, logic và dễ theo dõi: 1,2 điểm;</li> <li>- Trình bày đề xuất với bố cục không hợp lý hoặc không logic: 0 điểm.</li> </ul>	1,20
3.5	Kế hoạch triển khai	7,00		4,20
3.5.1	Kế hoạch triển khai tất cả các nhiệm vụ để thực hiện dự án, mỗi nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả hoàn chỉnh, chi tiết rõ ràng và phù hợp với phương pháp luận, tiến độ dự kiến	5,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch triển khai đầy đủ, chi tiết, hợp lý, khả thi: 5,0 điểm.</li> <li>- Có kế hoạch triển khai tương đối đầy đủ: 3,0 điểm.</li> <li>- Không trình bày kế hoạch, hoặc kế hoạch</li> </ul>	3,00

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			không hợp lý, không khả thi: 0 điểm.	
3.5.2	Kế hoạch, tiến độ thực hiện các loại báo cáo	2,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý: 2,0 điểm.</li> <li>- Có trình bày tương đối đầy đủ: 1,2 điểm</li> <li>- Không trình bày, hoặc trình bày không đúng, không hợp lý: 0 điểm.</li> </ul>	1,20
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	3,00		1,80
3.6.1	Sơ đồ bố trí nhân sự và thuyết minh nhiệm vụ cụ thể đối với từng vị trí nhân sự	2,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày sơ đồ bố trí nhân sự và thuyết minh nhiệm vụ cụ thể, đầy đủ cho tất cả các vị trí nhân sự đề xuất: 2,0 điểm</li> <li>- Có trình bày sơ đồ bố trí nhân sự và thuyết minh nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, đầy đủ cho tất cả các vị trí nhân sự đề xuất: 1,2 điểm</li> <li>- Không trình bày sơ đồ bố trí nhân sự, hoặc không trình bày thuyết minh, hoặc trình bày thuyết minh nhưng không cụ thể nhiệm vụ của từng vị trí nhân sự đề xuất: 0 điểm</li> </ul>	1,20

STT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.6.2	Kế hoạch huy động nhân sự: Số lượng, thời điểm và thời gian huy động nhân sự phù hợp tiến độ, kế hoạch triển khai đã đề xuất		1,00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch huy động nhân sự rõ ràng, đầy đủ cho tất cả các vị trí nhân sự, phù hợp với tiến độ, kế hoạch triển khai: 1,0 điểm</li> <li>- Có kế hoạch huy động nhân sự đầy đủ cho tất cả các vị trí nhân sự đề xuất, nhưng chưa rõ ràng, hợp lý với tiến độ, kế hoạch triển khai: 0,6 điểm</li> <li>- Không có kế hoạch huy động nhân sự, hoặc có nhưng không đầy đủ cho tất cả các vị trí nhân sự đề xuất, hoặc không rõ ràng, hoặc không phù hợp với tiến độ, kế hoạch triển khai: 0 điểm</li> </ul>	0,60
4	Nhân sự chủ chốt(Từ 50 đến 60% tổng số điểm)		50,00		30,00
	<b>Vị trí</b>	<b>Số lượng</b>			
4.1	Chủ nhiệm thiết kế	1	20,00		12,00

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.1.1	<p>Yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm:</p> <p>(i) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông đường bộ từ hạng III còn hiệu lực;</p> <p>(ii) Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm thiết kế hoặc chủ nhiệm lập dự án ít nhất 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó mỗi công trình có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT và tổng hợp các công trình phải có đầy đủ các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT.</p> <p>(có tài liệu chứng minh kèm theo: Xác nhận của Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc các tài liệu khác) (Trường hợp không đáp ứng một trong hai tiêu chí (i), (ii) ở trên thì vị trí đề xuất này được đánh giá 0 điểm).</p>	12,00	12	12,00
4.1.2	<p>Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm thiết kế hoặc chủ nhiệm lập dự án thêm 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT thì được cộng thêm 03 điểm, tối đa không quá 06 điểm.</p>	6,00	6	
4.1.3	<p>Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông đường bộ hạng II trở lên còn hiệu lực.</p>	2,00	2	
4.2	Chủ nhiệm khảo sát	1	10,00	6,00

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.2.1	Yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm: (i) Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình từ hạng III còn hiệu lực; (ii) Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm khảo sát ít nhất 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó mỗi công trình có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT và tổng hợp các công trình phải có đầy đủ các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT. (có tài liệu chứng minh kèm theo: Xác nhận của Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc các tài liệu khác) (Trường hợp không đáp ứng một trong hai tiêu chí (i), (ii) ở trên thì vị trí đề xuất này được đánh giá 0 điểm).	6,00	6	6,00
4.2.2	Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm khảo sát thêm 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT thì được cộng thêm 1,5 điểm, tối đa không quá 03 điểm.	3,00	3	
4.2.3	Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng II trở lên còn hiệu lực.	1,00	1	
4.3	Chủ trì thiết kế đường	1		7,50

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.3.1	<p>Yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm:</p> <p>(i) Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông đường bộ từ hạng III còn hiệu lực;</p> <p>(ii) Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm thiết kế hoặc Chủ trì thiết kế ít nhất 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó mỗi công trình có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT và tổng hợp các công trình phải có đầy đủ các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT;</p> <p>(có tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc các tài liệu khác).</p> <p>(Trường hợp không đáp ứng một trong hai tiêu chí (i), (ii) ở trên thì vị trí đề xuất này được đánh giá 0 điểm).</p>	7,50	7,5	7,50
4.3.2	<p>Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm thiết kế hoặc Chủ trì thiết kế thêm 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị, trong đó có ít nhất một trong các hạng mục: Mặt đường BTN, hệ thống ATGT được cộng thêm 02 điểm, tối đa không quá 04 điểm.</p>	4,00	4	
4.3.3	<p>Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông hoặc chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình giao thông đường bộ hạng II trở lên còn hiệu lực.</p>	1,00	1	
4.4	Phụ trách lập dự toán	1	7,50	4,50

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.4.1	Yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm: (i) Có chứng chỉ hành nghề định giá từ hạng III còn hiệu lực; (ii) Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ trì lập dự toán ít nhất 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị (có tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT: Văn bản xác nhận của Chủ đầu tư hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng hoặc các tài liệu khác). (Trường hợp không đáp ứng một trong hai tiêu chí (i), (ii) ở trên thì vị trí đề xuất này được đánh giá 0 điểm).	4,50	4,5	4,50
4.4.2	Có kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Chủ trì lập dự toán thêm 01 công trình giao thông xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc sửa chữa trên đường cao tốc hoặc quốc lộ hoặc tỉnh lộ hoặc đường đô thị được cộng thêm 01 điểm, tối đa không quá 02 điểm.	2,00	2	
4.4.3	Có chứng chỉ hành nghề định giá hạng II trở lên còn hiệu lực.	1,00	1	
5	Yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)	0,00		
5.1	Không yêu cầu	0,00		
	<b>Tổng cộng (100%)</b>	<b>100</b>		<b>70</b>

*Ghi chú:*

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại điểm k khoản 6 Điều 16 và khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.*

- *Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật.* E-HSĐT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Phương pháp đánh giá về giá: **Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá**  
Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Điểm giá của E-HSĐXTC đang xét;

+  $G_{\text{thấp nhất}}$ : Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+  $G_{\text{đang xét}}$ : Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSĐXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80% = **80**

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% = **20**

+  $K + G = 100\%$ ;

- Xếp hạng nhà thầu: **E-HSĐT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.**

## CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Webform	X	
<b>E-HSDXKT</b>				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc	Webform		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
<b>E-HSDXTC</b>				

11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia			X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí			X

Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống)

**HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**

- 1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật</b>	<b>Toàn bộ</b>	<b>1</b>

- 2. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Không áp dụng**

**Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống)**  
**Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá**

<b>T T</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
	<b>I. TỈNH QUẢNG NAM</b>		
	<b>1. Khảo sát địa hình cấp III</b>		
1	Lập mốc cao độ giả định	mốc	12,00
2	Đo vẽ bình diện tuyến	km	1,02
3	Đo vẽ trắc dọc tuyến, địa hình cấp III	m	1.264,00
4	Đo vẽ trắc ngang tuyến, địa hình cấp III	m	1.011,20
	<b>2. Khảo sát địa chất</b>		
5	Đào hố địa chất KT(1x1x2)m	hố	2,00
6	Đánh giá cấp đất, đá; kiểm tra trình trạng nước ngầm (nếu có)	Toàn bộ	1,00
	<b>3. Khảo sát hiện trạng, thống kê, điều tra</b>		
7	Đo vẽ hiện trạng hư hỏng mặt đường BTXM	km	1,02
8	Khảo sát hư hỏng lề đường, hệ thống thoát nước, hệ thống ATGT	Toàn bộ	1,00
9	Điều tra mỏ vật liệu, bãi thải	Toàn bộ	1,00
10	Công tác quay phim chụp ảnh	Toàn bộ	1,00
	<b>II. TỈNH KON TUM</b>		
	<b>1. Khảo sát địa hình cấp III</b>		
11	Lập mốc cao độ giả định	mốc	41,00
12	Đo vẽ bình diện tuyến	km	3,93
13	Đo vẽ trắc dọc tuyến, địa hình cấp III	m	4.753,00
14	Đo vẽ trắc ngang tuyến, địa hình cấp III	m	3.802,40
	<b>2. Khảo sát địa chất</b>		
15	Đào hố địa chất KT(1x1x2)m	hố	8,00
16	Đánh giá cấp đất, đá; kiểm tra trình trạng nước ngầm (nếu có)	Toàn bộ	1,00

<b>T T</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
	<b>3. Công trình, hệ thống ATGT</b>		
17	Đo vẽ hiện trạng hư hỏng mặt đường BTXM	km	3,93
18	Khảo sát hệ thống thoát nước dọc, hệ thống ATGT	Toàn bộ	1,00
19	Điều tra mỏ cung cấp vật liệu và vị trí bãi thải	Toàn bộ	1,00
20	Công tác quay phim, chụp ảnh	Toàn bộ	1,00

**Lưu ý:** Trên cơ sở hạng mục mô tả công việc, khối lượng và phạm vi công việc được quy định tại mục 2 Chương IV, Phần I. Thủ tục đấu thầu và phạm vi công việc quy định tại Chương V, Phần II. Điều khoản tham chiếu; nhà thầu tham dự thầu chịu trách nhiệm đề xuất đầy đủ các khối lượng thực hiện công tác khảo sát kết hợp điều tra thu thập các số liệu để làm cơ sở lập hồ sơ thiết kế bảo đảm chất lượng theo quy định. Việc không thực hiện đầy đủ công tác khảo sát dẫn đến sai sót trong thiết kế, thi công ảnh hưởng chất lượng công trình ngoài việc xử lý theo quy định, Nhà thầu sẽ bị đánh giá mức độ uy tín đối với việc tham dự thầu các gói thầu do Khu làm Chủ đầu tư

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;

**Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)****ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>****(thuộc E-HSDXKT)**Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: \_\_\_ [*Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu<sup>(2)</sup>.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các

hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

**Ghi chú:**

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

**Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)****THỎA THUẬN LIÊN DANH**Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### **Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

### **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[xác nhận, chữ ký số]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[xác nhận, chữ ký số]

#### **Ghi chú:**

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

### A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

*[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].*

### B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng \_\_\_\_\_ *[Ghi số năm]*<sup>1</sup> năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

---

<sup>1</sup> Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN  
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

*[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]*

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT  
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:*

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

**Giải pháp và phương pháp luận.** [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

**Kế hoạch thực hiện.** [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

**Tổ chức và Nhân sự.** [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

**LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN**

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	<i>[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]</i>
Tên chuyên gia tư vấn:	<i>[điền tên đầy đủ]</i>
Ngày sinh:	<i>[ngày/tháng/năm]</i>
Quốc tịch	

**Trình độ học vấn:** [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

**Quá trình công tác phù hợp với công việc:** [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

**Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:**

**Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):**

---

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Người khai**

*[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]*

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

## TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc <sup>(1)</sup>	Tháng/ngày thứ <sup>(2)</sup> [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	.....	n	Tổng
<b>1</b>	<b>[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:</b>								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
<b>2</b>	<b>[Hạng mục công việc 2]</b>								
...									
<b>n</b>									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

## DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bổ trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] <sup>1</sup>			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... <sup>2</sup>	
<b>I</b>	<b>Nhân sự chủ chốt<sup>3</sup></b>								
1	Nguyễn Văn A		<i>[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]</i>	<i>[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]</i>	<i>[Công ty]</i>				<i>[Hệ thống tự tính]</i>
					<i>[Thực địa]</i>				<i>[Hệ thống tự tính]</i>
2					<i>[Công ty]</i>				
					<i>[Thực địa]</i>				
	.....								
	Số công nhân sự chủ chốt								
<b>II</b>	<b>Nhân sự khác</b>								
1			<i>[Nhà thầu điện]</i>	<i>Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]</i>	<i>[Công ty]</i>				<i>[Hệ thống tự tính]</i>
					<i>[Thực địa]</i>				<i>[Hệ thống tự tính]</i>
2	....				<i>[Công ty]</i>				
					<i>[Thực địa]</i>				

Số công nhân sự khác									
----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Ghi chú:**

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-BDL**.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

**Mẫu số 10 (Webform trên Hệ thống)****PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ <sup>(1)</sup>**

<b>STT</b>	<b>Tên nhà thầu phụ<sup>(2)</sup></b>	<b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b>	<b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b>	<b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b>	<b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ<sup>(6)</sup></b>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**Mẫu số 11 (webform trên Hệ thống)****ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(thuộc E-HSDXTC)*Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

## Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (\*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bổ trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
<b>I</b>	<b>Nhân sự chủ chốt</b>						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
2	.....		Công ty				
			Thực địa				
<b>II</b>	<b>Nhân sự khác</b>						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
2	....		Công ty				
			Thực địa				
<b>Tổng cộng</b>							(A)

**Ghi chú:**

- (\*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.

- (6) (7): Hệ thống tự tính

Mẫu số 12A (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA**

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội <sup>1</sup> % của (3)	Chi phí quản lý chung <sup>2</sup> % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

<sup>1</sup> Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

<sup>2</sup> Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

**CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA**

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
<b>Tổng chi phí</b>					<b>(B)</b>

Cột (3): Hệ thống tự động tính

**Mẫu số 14 (webform trên Hệ thống)**

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC  
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

<b>STT</b>	<b>Mô tả công việc</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Đơn giá (bao gồm VAT)</b>	<b>Thành tiền (bao gồm VAT)</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6) = (4) x (5)</b>
<b>I</b>	<b>Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói</b>				<b>(M1)</b>
1					
2					
...					
<b>II</b>	<b>Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá</b>				<b>(M2)</b>
	<b>Các công việc</b>				
1					
2					
...					
<b>Tổng cộng</b>					<b>M=(M1+M2)</b>

**Ghi chú:**

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ**

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
<b>Tổng chi phí</b>	$A + B + M$

**Ghi chú:**

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Khái quát về dự án**

- Công trình: Sửa chữa đột xuất mặt đường BTXM đoạn Km1380+680 – Km1431+00, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum.

- Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III

- Địa điểm xây dựng: Đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum.

- Địa điểm khảo sát và diện tích đất:

+ Địa điểm khảo sát: Từ Km1380+680 - Km1431+00, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum.

+ Diện tích đất: Trong phạm vi đất dành cho đường bộ

**2. Mục đích khảo sát:** Thu thập, đo đạc số liệu về địa hình khu vực, tuyến, hiện trạng mặt đường; khảo sát hư hỏng lề đường, hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT; đào hố địa chất; điều tra mỏ vật liệu, bãi đổ thải ... để phục vụ cho việc lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư XDCT.

##### **3. Mô tả khái quát về gói thầu:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Hình thức thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng;

- Phương thức LCNT: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng hỗn hợp, trong đó:

+ Khảo sát: Đơn giá cố định;

+ Phần lập BCKTKT: Trọn gói.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 45 ngày

- Thời gian thực hiện gói thầu: 25 ngày.

- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng

##### **4. Mục đích tuyển chọn nhà thầu:**

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện công việc khảo sát, lập Báo cáo KTKT và dự toán công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, tuân thủ các quy trình, quy phạm và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **II. Phạm vi công việc:**

##### **1. Mô tả phạm vi công việc:**

- Thực hiện tư vấn Khảo sát, lập BCKTKT công trình: Sửa chữa đột xuất mặt đường BTXM đoạn Km1380+680 – Km1431+00, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum.

- Tiêu chuẩn, quy trình chủ yếu áp dụng cho công tác khảo sát: Theo danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn được quyết tại Quyết định số 569/QĐ-KQLĐBIII ngày 01/7/2025 của Khu Quản lý đường bộ III về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình nêu trên, cụ thể:

- TCXDVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong XDCT - Yêu cầu chung.

- TCCS 31:2020/TCĐBVN - Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCVN 4054-2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- QCVN 41/2024-BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCVN 14182:2024: Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCCS 14:2016/TCĐBVN - Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Các quy trình, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan

## **2. Nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo KTKT:**

2.1. Khảo sát địa hình, tuyến:

**a) Lập mốc cao độ:** Trung bình mỗi đoạn sửa chữa mặt đường lập 01 mốc. Hệ cao độ sử dụng cao độ VN 2000.

**b) Bình diện tuyến:**

- Hướng tuyến: Theo hướng tuyến hiện tại;

- Đo đạc bình diện tuyến thể hiện đầy đủ địa hình, địa vật, công trình trong phạm vi nghiên cứu.

- Phạm vi đo vẽ:

+ Theo phương dọc tuyến: Từ vị trí đầu và cuối của đoạn tuyến sửa chữa, đo về mỗi đầu 10m.

+ Theo phương ngang tuyến: Đo từ tim tuyến ra đến hết mép ngoài rãnh dọc hoặc đến vai đường taluy âm.

- Tỷ lệ đo vẽ: Đo vẽ bình diện tuyến tỷ lệ 1/1000.

**c) Trắc dọc:**

- Phạm vi đo vẽ: Đo hết chiều dài các đoạn sửa mặt đường, đo dài về hai đầu mỗi đầu 10m. Trường hợp hai đầu đoạn sửa chữa có đường cong nằm tiến hành đo vẽ hết chiều dài phạm vi đường cong để thu thập các yếu tố kỹ thuật của đường cong phục vụ cho công tác thiết kế.

- Đo trắc dọc tim đường, địa hình cấp III: Trắc dọc cần phản ánh được thay đổi cao độ tuyến đường, các vị trí công trình. Đo vẽ trắc dọc tỷ lệ 1/1000, 1/100;

- Cọc chi tiết: Rải cọc với khoảng cách lẻ trung bình  $\leq 15m$  đối với đường thẳng và đường cong có bán kính cong nằm  $R \geq 500m$ ; rải cọc  $\leq 10m$  đối với

đường cong có bán kính cong nằm  $R \leq 500\text{m}$ . Ngoài ra, cấm các cọc đặc biệt TĐ, P, TC cọc Km, cọc công và cọc địa hình.

**d) Trắc ngang:**

- Đo vẽ trắc ngang đường cũ, địa hình cấp III;

- Tỷ lệ đo, vẽ: 1/200;

- Phạm vi đo, vẽ: Đo từ tim tuyến ra đến hết mép ngoài rãnh dọc hoặc đến vai

đường taluy âm. Riêng các đoạn có thiết kế công trình cắt nước ngầm đo rộng thêm về bên bố trí công trình thoát nước ngầm 2m;

- Thể hiện cao độ: Tim đường, mép mặt nhựa, dải phân cách, bó vỉa và các vị trí địa hình tại các mặt cắt ngang trên đoạn tuyến.

**2.2. Điều tra, khảo sát hiện trạng, địa chất công trình:**

- Khảo sát hiện trạng hư hỏng công trình: Trên các đoạn sửa chữa mặt đường BTXM bị hư hỏng trên diện rộng. Tiến hành khảo sát hiện trạng hư hỏng, đo vẽ hiện trạng tấm BTXM. Đánh giá mức độ hư hỏng (số lượng tấm hư hỏng, mức độ hư hỏng), nguyên nhân gây hư hỏng... Cập nhật số liệu khảo sát thể hiện trên bản vẽ bình diện mặt đường.

- Hư hỏng lề đường, rãnh dọc:

+ Lề đường: Khảo sát tình trạng hư hỏng lề đường, đánh giá khả năng tận dụng lại kết cấu lề đường khi triển khai sửa chữa mặt đường.

+ Rãnh dọc: Xác định các đoạn bố trí rãnh dọc, cửa xả rãnh dọc, kết cấu rãnh; khảo sát tình trạng hư hỏng (xói lở, bong vỡ mạch vữa xây, tình trạng đọng nước...) và đánh giá mức độ hư hỏng rãnh dọc gây hư hỏng kết cấu mặt đường.

- Khảo sát ảnh hưởng của nước ngầm đối với công trình nền mặt đường: Xác định phạm vi hư hỏng do nước ngầm, phạm vi xuất hiện nước ngầm, đặc điểm của tình trạng nước gây hư hỏng kết cấu móng mặt đường; tại các vị trí có nước ngầm đào các hố địa chất, quan trắc nước ngầm và xác định sơ bộ cấp đất/đá trong phạm vi hố đào để làm cơ sở thiết kế công trình thoát nước ngầm (nếu có).

**2.3 Điều tra, khảo sát hiện trạng các công trình và các số liệu liên quan:**

- Thu thập hồ sơ hoàn công, các số liệu liên quan đến quá trình xây dựng, cải tạo nâng cấp, thời gian bảo hành các công trình thuộc phạm vi dự án và công trình lân cận có liên quan.

- Cập nhật, điều tra hệ thống thoát nước, đường ngang, hệ thống ATGT trên tuyến (vạch sơn, cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo...), các đường ngang, nút giao.

- Điều tra, khảo sát hiện trạng hệ thống thoát nước: cống, rãnh, cửa thu nước, hố thu nước...;

- Điều tra các công trình khác có liên quan: Hệ thống cấp quang, đường ống nước, cột điện (nếu có);

- Thu thập các số liệu kinh tế, làm việc với các cơ quan liên quan để thu thập các đồ án quy hoạch, dự án liên quan, các công trình hạ tầng trên tuyến, phương án giáp nối với các công trình, dự án liên quan.

- Thu thập hồ sơ liên quan đến dự án, các hồ sơ sửa chữa của tuyến trong thời gian 05 năm gần đây.

- Thu thập đơn giá, định mức xây dựng (các loại chi phí sản xuất có liên quan đến hoạt động GTVT và Xây dựng; các biểu giá cước GTVT; đơn giá tại địa phương để lập dự toán; các loại phí: Phí lưu hành, phí cầu đường, phí bảo hiểm).

- Điều tra mực nước, tình trạng thoát nước, tình hình ngập lụt, các vị trí ứ đọng nước mặt đường, nước ngầm trong nền đường (nếu có).

- Điều tra mỏ vật liệu, bãi thải: Thu nhập các thông tin về mỏ vật liệu xây dựng đang khai thác như: vị trí, cự ly, loại đường và trữ lượng các mỏ vật liệu; vị trí đổ vật liệu thải; mặt bằng lán trại và bãi chứa vật tư vật liệu; nguồn điện và nước phục vụ thi công; có biên bản thỏa thuận với địa phương về vị trí đổ vật liệu thải;

#### 2.4. Quay phim, chụp ảnh:

Chụp hình lưu giữ hình ảnh (kết hợp quay video) hiện trạng mặt đường, tổng quan về đoạn tuyến, các công trình phụ, hệ thống đường ngang, hệ thống ATGT...

### **2.5. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và an toàn lao động trong quá trình khảo sát:**

- Trước khi thực hiện công tác khảo sát hiện trường 03 ngày: Liên hệ với các cơ quan có liên quan để chuẩn bị các biện pháp đảm bảo ATGT (bố trí nhân lực, khối lượng công việc, các loại biển báo đối với hạng mục đào hố, đo mô đun đàn hồi);

- Người thực hiện công tác khảo sát hiện trường phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị đảm bảo ATGT (mũ, áo phản quang, cờ cảnh báo...);

- Đối với công tác khoan, đo mô đun đàn hồi, đo độ bằng phẳng mặt đường phải thực hiện các công tác đảm bảo ATGT, cụ thể:

+ Lắp dựng đầy đủ hệ rào chắn, biển báo tại các vị trí thi công để báo hiệu cho các xe lưu thông trên tuyến. Biển báo được gắn trên hệ rào chắn di động;

+ Bố trí mỗi vị trí 02 cán bộ kỹ thuật để điều tiết hướng dẫn phương tiện giao thông chuyển hướng hoặc dừng xe đúng quy định;

+ Đối với công tác đào kết cấu: Sau khi đào kiểm tra kết cấu, tiến hành hoàn trả kết cấu móng mặt đường đảm bảo an toàn cho kết cấu tuyến đường (móng CPDD, lớp BTN nguội).

#### 2.6. Nhiệm vụ lập Báo cáo KTKT:

- Nội dung Báo cáo KTKT thực hiện theo quy định tại các Điều 55 của Luật Xây dựng 50/2014/QH13 năm 2014 được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Luật xây dựng 62/2020/QH14;

- Thiết kế xây dựng theo quy định tại các Điều 78, 79 của Luật Xây dựng 50/2014/QH13 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 của Luật xây dựng 62/2020/QH14;

- Lập Tổng mức đầu tư xây dựng công trình theo hướng dẫn tại Mục II - Phụ lục số I - Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

- Hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng;

- Giám sát tác giả theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định trong hợp đồng xây dựng.

**3. Tiến độ thực hiện hợp đồng:** 25 ngày

**4. Khối lượng mời thầu:** theo Mẫu số 01 Chương IV E-HSMT.

Trên cơ sở hạng mục mô tả công việc, khối lượng và phạm vi công việc nêu trên; nhà thầu tham dự thầu chịu trách nhiệm đề xuất đầy đủ các khối lượng thực hiện công tác khảo sát kết hợp điều tra thu thập các số liệu để làm cơ sở lập hồ sơ thiết kế bảo đảm chất lượng theo quy định. Việc không thực hiện đầy đủ công tác khảo sát dẫn đến sai sót trong thiết kế, thi công ảnh hưởng chất lượng công trình ngoài việc xử lý theo quy định, Nhà thầu sẽ bị đánh giá mức độ uy tín đối với việc tham dự thầu các gói thầu do Khu làm Chủ đầu tư.

**5. Thời gian bắt đầu thực hiện:** Sau khi ký hợp đồng.

**III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

**1. Báo cáo:**

- Các tài liệu thu thập và điều tra khảo sát, ảnh chụp, file mềm trên đĩa CD/USB và trên web: [photo.google.com](http://photo.google.com); vị trí cầu trên bản đồ [maps.google.com](http://maps.google.com); các tài liệu kiểm định, máy thiết bị.

- Các hồ sơ khảo sát: Khảo sát các hư hỏng hiện trạng; đo đạc xác định kích thước chi tiết các hạng mục hiện trạng hư hỏng; đánh giá nguyên nhân hư hỏng công trình; vật liệu và bãi đổ vật liệu thải; các tài liệu khảo sát các công trình liên quan; hoàn thiện thông tin trong phiếu điều tra.

- Hồ sơ lập Báo cáo KTKT và dự toán: Thuyết minh, dự toán, bản vẽ, bảng tính và các tài liệu liên quan.

**2. Thời gian thực hiện:** 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

**IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:** theo quy định Chương III E-HSMT

- Đối với nhân sự chủ chốt, trường hợp nhà thầu nhận thấy yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT chưa phù hợp với tính đặc thù của gói thầu (số lượng, vị trí, trình độ năng lực...), chưa phù hợp với giải pháp, kế hoạch triển

khai, kinh nghiệm thực tiễn của nhà thầu thì nhà thầu có thể đề xuất nhân sự khác với yêu cầu của E-HSMT, tuy nhiên, trong giải pháp và phương pháp luận, nhà thầu phải có thuyết minh cụ thể để chứng minh nhân sự do nhà thầu đề xuất có tính hợp lý hơn, phù hợp hơn, mang lại hiệu quả cao hơn. Trong trường hợp này, nhân sự đề xuất của nhà thầu vẫn đáp ứng.

- Nhân sự chủ chốt phải kê khai đầy đủ thông tin theo Mẫu số 07 - Chương IV của E-HSMT. Mỗi vị trí nhân sự phải đảm bảo tính sẵn sàng huy động ngay sau khi HĐ được ký kết. Trường hợp thông tin kê khai trong E-HSMT chưa đáp ứng đủ cơ sở để chứng minh tính sẵn sàng thì Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để bổ sung làm rõ. Trong mọi trường hợp, nếu kê khai không trung thực thì coi là hành vi gian lận và HSĐT sẽ bị loại.

- Cấp hạng công trình theo quy định Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 và Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn; Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của nhân sự đã đảm nhận vị trí tương tự (như văn bản xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA, tài liệu chứng minh tính chất tương tự đã đảm nhận...).

#### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

- Cung cấp những tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn.
- Chỉ định cán bộ có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu trong suốt quá trình thời gian nhà thầu thực hiện gói thầu.
- Tổ chức lưu trữ các hồ sơ có liên quan.
- Các trách nhiệm khác theo quy định.

#### **VI. Một số trách nhiệm của Nhà thầu:**

##### **1. Trong công tác khảo sát xây dựng:**

- Thực hiện công việc tuân thủ theo đúng quy định của Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan; đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng của dự án và theo quy định của hợp đồng xây dựng;
- Đề xuất, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế, ảnh hưởng đến chất lượng công trình;
- Chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát xây dựng và chất lượng khảo sát do mình thực hiện; chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng khảo sát của nhà thầu phụ (nếu có) và kết quả khảo sát của nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ khi tham gia khảo sát xây dựng phải chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát trước nhà thầu chính và trước pháp luật;

- Có trách nhiệm khảo sát, cập nhật số liệu về đường cũ, hệ thống các tuyến đường giao thông trong khu vực; quy hoạch mở vật liệu xây dựng thông thường, quy hoạch các vị trí đổ thải, thí nghiệm các chỉ tiêu vật liệu tại các mỏ; đánh giá ảnh hưởng của giải pháp thiết kế đến đời sống sinh hoạt của người dân, nút nhà dân, ảnh hưởng hạ lưu cống thoát nước,...; khảo sát kỹ lưỡng lưu lượng, thành phần xe, phân bố lưu lượng xe giữa các tuyến đường trong khu vực dự án, đồng thời đưa ra dự báo lưu lượng giao thông trên tuyến,...

- Có trách nhiệm bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát theo quy định của hợp đồng xây dựng; cử người làm chủ nhiệm khảo sát có đủ điều kiện năng lực, đúng đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Trường hợp huy động nhân sự không đúng đề xuất ban đầu mà không phải lý do bất khả kháng (theo biên bản, văn bản của Chủ đầu tư/Ban QLDA) hoặc công trình do nhân sự đảm nhận bị Chủ đầu tư có văn bản phê bình, cảnh cáo do vi phạm chất lượng, tiến độ thì nhà thầu sẽ bị xem xét đánh giá về tiêu chí uy tín được quy định trong tiêu chuẩn đánh giá HSMT khi tham dự các gói thầu tiếp theo.

- Nhà thầu khảo sát chịu trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện. Việc phê duyệt báo cáo kết quả khảo sát của Chủ đầu tư/Ban QLDA không thay thế, không làm giảm trách nhiệm về chất lượng khảo sát xây dựng do mình thực hiện.

- Và thực hiện theo đề cương, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được phê duyệt.

## **2. Trong công tác lập Báo cáo KTKT:**

- Thực hiện công việc tuân thủ theo đúng quy định của Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan; đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng của dự án và theo quy định của hợp đồng xây dựng;

- Chỉ được nhận thầu thiết kế xây dựng phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề thiết kế xây dựng;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế do mình đảm nhận trong đó bao gồm nội dung quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Luật Xây dựng; chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế của nhà thầu phụ (nếu có). Nhà thầu phụ khi tham gia thiết kế xây dựng phải chịu trách nhiệm về kết quả thiết kế trước nhà thầu chính và trước pháp luật;

- Thiết kế kết cấu áo đường phải tiến hành đầy đủ các thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu phục vụ xây dựng; có giải pháp chủ động phòng chống sụt trượt mái taluy hoặc ảnh hưởng của nước ngầm, xử lý nền đất yếu,...

- Tiến hành đánh giá tình trạng mặt đường cũ, đánh giá nguyên nhân hư hỏng mặt đường để đưa ra giải pháp thiết kế cho phù hợp.

- Đề xuất các giải pháp thiết kế, có so sánh, đánh giá, lựa chọn phương án tủy, các điểm không chế (khu di tích lịch sử, khu vực tâm linh,...) tối ưu, hợp lý.

- Giám sát tác giả thiết kế xây dựng trong quá trình thi công xây dựng;
- Không được chỉ định nhà sản xuất cung cấp vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng trong nội dung thiết kế xây dựng của công trình sử dụng vốn nhà nước;
- Có trách nhiệm bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát theo quy định của hợp đồng xây dựng; cử người làm chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ trì lập dự toán có đủ điều kiện năng lực, đúng đề xuất trong HSDT của nhà thầu. Trường hợp huy động nhân sự không đúng đề xuất ban đầu mà không phải lý do bất khả kháng (theo biên bản, văn bản của Chủ đầu tư/Ban QLDA) hoặc công trình do nhân sự đảm nhận bị Chủ đầu tư có văn bản phê bình, cảnh cáo do vi phạm chất lượng, tiến độ thì nhà thầu sẽ bị xem xét đánh giá về tiêu chí uy tín được quy định trong tiêu chuẩn đánh giá HSMT khi tham dự các gói thầu tiếp theo.
- Nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện. Việc phê duyệt thiết kế của Chủ đầu tư không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu về chất lượng thiết kế xây dựng do mình thực hiện.
- Và thực hiện theo đề cương, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được phê duyệt.

### **3. Trong công tác lập dự toán xây dựng:**

Nhà thầu thiết kế chịu trách nhiệm về chất lượng hồ sơ dự toán do mình thực hiện. Dự toán xây dựng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và các yêu cầu kỹ thuật của công trình, chuẩn xác về định mức và đơn giá trong dự toán.

### **4. Thực hiện giám sát tác giả:**

Nhà thầu lập thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm thực hiện giám sát tác giả theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định trong hợp đồng xây dựng. Nội dung thực hiện giám sát tác giả:

- + Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện bước lập thiết kế;
- + Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, các nội dung cần điều chỉnh ở bước lập thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư;
- + Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc nhà thầu thực hiện bước lập thiết kế thiết kế chưa phù hợp về giải pháp sửa chữa so với thực tế hư hỏng;

**5. Nhà thầu lập Báo cáo KTKT** chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đối với phần công việc do mình thực hiện kể cả khi bước lập thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

### PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p><b>1. Định nghĩa</b></p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p><b>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và</p>

	<p>bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p><b>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</b></p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p><b>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b></p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại <b>E-ĐKCT</b>. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu</p>

	<p>hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</li> <li>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</li> <li>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</li> <li>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</li> </ul> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p><b>5. Bản quyền</b></p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà</p>

	<p>thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
<b>6. Bảo hiểm</b>	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
<b>7. Loại hợp đồng</b>	Loại hợp đồng: được quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>8. Giá hợp đồng</b>	Giá hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b> là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
<b>9. Thuế, phí</b>	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
<b>10. Tạm ứng và thanh toán</b>	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ</b>	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>12. Thời gian thực hiện hợp đồng</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>13. Sửa đổi hợp đồng</b>	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu

	<p>tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của <b>E-ĐKCT</b></p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p><b>14. Nhân sự</b></p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương</p>

	<p>đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p><b>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</b></p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</li> <li>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</li> <li>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</li> <li>d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.</li> </ul> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</li> <li>b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</li> <li>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</li> <li>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</li> </ul>

	<p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
<b>16. Nhà thầu phụ</b>	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</b>	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>18. Tạm dừng hợp đồng</b>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt</p>

	<p>hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p><b>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</b></p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p><b>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</b></p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p><b>21. Trường hợp bất khả</b></p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh</p>

<b>kháng</b>	<p>hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết</p>
--------------	---

	<p>theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.</li> <li>- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.</li> </ul>
<p><b>22. Giải quyết tranh chấp</b></p>	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>23. Thông báo</b></p>	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

<b>E-ĐKC 1.1</b>	<p>Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III</p> <p>Địa chỉ: số 16 Lý Tự Trọng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Mã số thuế:</p> <p>Số tài khoản:</p> <p>Điện thoại:</p> <p>Số fax:</p> <p>Email:</p> <p>Đại diện uỷ quyền (nếu có):</p>
<b>E-ĐKC 1.3</b>	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm dự án: Đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam và Kon Tum
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu khác:
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: không
<b>E-ĐKC 7</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói và đơn giá cố định
<b>E-ĐKC 8</b>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với phần lập BCKTKT: áp dụng loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</li> <li>- Đối với phần khảo sát áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 10</b>	<p>10.1. Tạm ứng: Không áp dụng</p> <p>10.2. Thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức thanh toán: Tham chiếu Điều 24 - Mẫu hợp đồng</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: VND</li> <li>- Số lần thanh toán: Tham chiếu Điều 24 – Mẫu hợp đồng</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Tham chiếu Điều 24 – Mẫu hợp đồng</li> </ul>
<b>E-ĐKC 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: 25 ngày

<b>E-ĐKC 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	Các trường hợp khác:
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i> ].
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng
<b>E-ĐKC 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Tham chiếu Điều 14 – Mẫu hợp đồng
<b>E-ĐKC 17</b>	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: <b>93.020.040 VND</b>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>Quy định chi tiết: Tham chiếu khoản 1, Điều 26 – Mẫu hợp đồng</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Tham chiếu khoản 2, Điều 26 – Mẫu hợp đồng</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:
<b>E-ĐKC 20</b>	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Tham chiếu

	khoản 1, Điều 20 – Mẫu hợp đồng
<b>E-ĐKC 22.2</b>	Giải quyết tranh chấp: Tham chiếu Điều 25 – Mẫu hợp đồng
<b>E-ĐKC 23.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ III  Địa chỉ: số 16 Lý Tự Trọng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng  Điện thoại: 0903570119  Fax: _____  E-mail: binhbk@gmail.com</li> <li>- Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____  Điện thoại: _____  Fax: _____  E-mail: _____</li> </ul>

**CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Đà Nẵng, ngày      tháng      năm 2025*

**HỢP ĐỒNG TƯ VẤN**  
**KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG**  
**Số:      /2025/HĐ – KSTK**  
**Ngày:      /      /2025**

**CÔNG TRÌNH:**

**Giữa**

**KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III**

**và**

**Năm 2025**  
**MỤC LỤC**

**PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH**

**PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

**PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Điều 1. Dẫn giải

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Trao đổi thông tin

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Loại hợp đồng, giá hợp đồng và thanh toán

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 17. Bảo hiểm

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 24. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại

Điều 25. Điều khoản chung

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 175/2024/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng



## PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;*

*Các Quyết định liên quan....*

## PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

### Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là *KHU QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ III*.
2. Nhà thầu tư vấn là.
3. Dự án là dự án.....
4. Công trình là .....
5. Gói thầu là tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
10. HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định của Chủ

đầu tư].

11. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định của Nhà thầu tư vấn.

12. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).

13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

15. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### **Điều 2. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: Hợp đồng hỗn hợp. Trong đó: Khảo sát: đơn giá cố định, Thiết kế: Trọn gói.

### **Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên**

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- d) HSMT hoặc HSYC (nếu có) của Chủ đầu tư;
- đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e) HSDT hoặc HSDX (nếu có) của Nhà thầu tư vấn;
- g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- h) Các phụ lục của hợp đồng;
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 4. Trao đổi thông tin**

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

### **Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng**

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

**Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng:** Không thực hiện.

## **Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng**

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
- b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.
- c) Khảo sát hiện trường.
- d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình.
- đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.
- e) Lập lưới khống chế trắc địa các công trình dạng tuyến.
- g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn.
- h) Nghiên cứu địa vật lý.
- i) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.
- k) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn.
- l) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.
- m) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.
- n) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP đã được Chủ đầu tư phê duyệt trực tiếp hoặc kèm văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát của Chủ đầu tư; kèm theo Quyết định phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát, Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát của Chủ đầu tư;

b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất, sơ đồ mô vật liệu, hình ảnh tình trạng hư hỏng..v.v..phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được chủ đầu tư phê duyệt;.

c) Các văn bản tài liệu có liên quan khác (nếu có).

## **Điều 8. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật**

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Nghiên cứu nhiệm vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

b) Nghiên cứu hồ sơ tài liệu đã có liên quan đến lập báo cáo kinh tế kỹ thuật của hợp đồng.

c) Khảo sát địa điểm dự án, điều tra, nghiên cứu thị trường, thu thập số liệu về tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

d) Lập thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại các Điều 78, 79 và 80 của Luật Xây dựng 50/2014/QH13 năm 2014; Khoản 23 điều 1 của Luật xây dựng 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung năm 2020;

e/ Lập Dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn tại mục 1 phụ lục số II Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

f) Sửa đổi, hoàn thiện báo cáo kinh tế kỹ thuật sau khi có ý kiến của cơ quan thẩm định (nếu có).

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng bao gồm:

a) Thiết kế bản vẽ thi công có nội dung theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP kèm theo Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, Biên bản nghiệm thu thiết kế của Chủ đầu tư; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và các văn bản, tài liệu khác có liên quan;

b) Các nội dung khác của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trong đó bao gồm - Thuyết minh báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 2 – Điều 55 – Luật xây dựng số 50/2014/QH13; chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; yêu cầu về thiết bị thi công (gồm chủng loại, công suất, số lượng của các loại thiết bị cần huy động cho công trình phù hợp với biện pháp tổ chức thi công chỉ đạo do nhà thầu thiết kế lập); sơ đồ tổ chức thi công và đảm bảo giao thông); bảng tiến độ thi công tổng thể (cho toàn bộ công trình hoặc cho từng gói thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư) và các tài liệu pháp lý khác có liên quan ...

### **Điều 9. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng**

1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn:

- Nhà thầu tư vấn giao nộp cho Chủ đầu tư sản phẩm tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng này đáp ứng yêu cầu chất lượng đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

- Quy cách hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ dự toán phải tuân thủ theo quy định tại Điều 37 - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Yêu cầu về số lượng sản phẩm tư vấn phải giao nộp cho Chủ đầu tư gồm:

a) Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát: 03 bộ;

b) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công: 07 bộ;

c) Hồ sơ dự toán xây dựng và các hồ sơ khác của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: 03 bộ.

d) 01 USB lưu tập tin các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng này (Scan hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát, Thiết kế, Tổng mức đầu tư thành tập tin \*.PDF, tập tin hình ảnh \*.JPEG và các tập tin thuyết minh, bản vẽ, bảng tính của phần mềm: MS Word, MS Excel, Autocad...);

**e) Trong trường hợp cần bổ sung số lượng sản phẩm tư vấn theo yêu cầu của Chủ đầu tư, của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan chức năng thì Nhà thầu tư vấn thực hiện giao nộp bổ sung số lượng hồ sơ mà không được thanh toán chi phí.**

## **Điều 10. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng**

1. Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng; hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (gồm Thuyết minh BCKTKT, Thiết kế và dự toán).
3. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng và Nhiệm vụ thiết kế (lập BCKTKT) được Chủ đầu tư phê duyệt.
4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho công trình.

## **Điều 11. Giá hợp đồng:**

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: .....**đồng** (Đã bao gồm thuế VAT 8%)

(Bằng chữ: .....nghìn đồng).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát : ..... đồng.

+ Chi phí lập BCKTKT ĐTXDCT : ..... đồng.

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và toàn bộ các chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện công việc theo Hợp đồng.

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo khoản 1 Điều 12 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng:

- Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát, lập BCKTKT đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

+ Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

+ Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

+ Chi phí đi thực địa.

+ Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

+ Chi phí khác có liên quan.

- Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

+ Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

+ Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

## **Điều 12. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng**

### 1. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng:

a) Việc điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

b) Giá hợp đồng sau điều chỉnh (bao gồm cả khối lượng công việc phát sinh hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng đã ký) không vượt giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt thì Chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu hoặc dự toán của gói thầu đã được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận trước khi điều chỉnh.

### 2. Các nội dung điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng:

#### 2.1. Điều chỉnh giá hợp đồng:

##### a) Chi phí khảo sát điều chỉnh:

- Về khối lượng: lấy giá trị khối lượng thấp hơn “MIN” giữa khối lượng được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và khối lượng được nghiệm thu;

- Về đơn giá

+ Trường hợp khối lượng phát sinh tăng chưa có đơn giá trong Bảng giá hợp đồng thì lập đơn giá mới theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại thời điểm điều chỉnh.

+ Trường hợp khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm có đơn giá trong Bảng giá hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong Bảng giá hợp đồng đã ký.

##### b) Chi phí lập BCKTKT điều chỉnh:

- Chi phí lập BCKTKT điều chỉnh được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại thời điểm điều chỉnh;

- Không điều chỉnh chi phí lập BCKTKT trong quá trình thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;

#### 2.2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

#### 2.3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn:

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác

định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Trường hợp không bảo đảm hoàn thành các công việc tư vấn đúng tiến độ so với tiến độ đã ký trong Hợp đồng do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu Nhà thầu đã thực hiện giải pháp khắc phục mà tiến độ thực hiện hợp đồng vẫn bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì trước khi hết thời hạn hợp đồng ít nhất **02 ngày làm việc** Nhà thầu phải có văn bản kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và có cam kết hoàn thành hợp đồng đúng thời gian kiến nghị gia hạn. Chủ đầu tư sẽ xem xét và quyết định việc cho gia hạn hoặc không cho gia hạn đối với kiến nghị của Nhà thầu. Trong mọi trường hợp Nhà thầu đều phải hoàn thành hợp đồng đã ký bằng chi phí của mình, kể cả chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng.

2.4. Điều chỉnh các nội dung khác của hợp đồng: Hai bên thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật có liên quan.

2.5. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: Việc điều chỉnh khối lượng công việc giữa các thành viên trong liên danh nhà thầu không làm thay đổi giá hợp đồng xây dựng thì chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các thành viên liên danh và năng lực, kinh nghiệm.

### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn**

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Thực hiện giám sát tác giả:
  - + Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện bước lập thiết kế bản vẽ thi công thi công;
  - + Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, các nội dung cần điều chỉnh ở bước lập thiết kế bản vẽ thi công thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư;

+ Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc nhà thầu thực hiện bước lập thiết kế bản vẽ thi công thiết kế chưa phù hợp về giải pháp sửa chữa so với thực tế hư hỏng;

+Nhà thầu lập Báo cáo KTKT ĐTXD chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đối với phần công việc do mình thực hiện kể cả khi bước lập thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc

yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

p) Đề xuất, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế.

q) Chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát xây dựng và chất lượng khảo sát do mình thực hiện; chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng khảo sát của nhà thầu phụ (nếu có) và kết quả khảo sát của nhà thầu phụ.

r) Không được chỉ định nhà sản xuất cung cấp vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng trong nội dung thiết kế xây dựng của công trình.

s) Bồi thường thiệt hại khi đề ra nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

t) Tham gia thống kê hư hỏng, lập hồ sơ khắc phục hư hỏng của gói thầu xây dựng trong thời gian bảo hành khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

u). Nhà thầu lập Báo cáo KTKT chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đối với phần công việc do mình thực hiện kể cả khi bước lập thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

v) Thực hiện các yêu cầu hợp lý, hợp pháp khác của Chủ đầu tư (nếu có).

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư**

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

e) Lựa chọn nhà thầu thiết kế khác thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi thiết kế trong trường hợp nhà thầu thiết kế (Bên B) từ chối thực hiện các công việc này.

f) Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

i) Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, Phương án kỹ thuật khảo sát và Nhiệm vụ thiết kế của công trình và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công tác trên (nếu có).

j) Nghiệm thu, phê duyệt Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng do Bên nhận thầu lập khi đáp ứng đủ các yêu cầu của hợp đồng.

k) Trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư thẩm định, phê duyệt BCKTKT khi đủ điều kiện;

l) Nộp phí thẩm định BCKTKT cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

#### **Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)**

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong trong hợp đồng thầu phụ.

#### **Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn**

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể hai bên thống nhất bố trí nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Bằng cấp chuyên môn</b>	<b>Giấy phép hành nghề</b>	<b>Chức danh</b>

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ

đầu tư trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

6. Máy móc, thiết bị, công nghệ huy động thực hiện gói thầu:

TT	Tên máy móc, thiết bị, công nghệ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

#### **Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu**

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

#### **Điều 17. Bảo hiểm**

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

#### **Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng**

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự, quy định tại Khoản 3 Điều 70 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho

bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng trong vòng 24h và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 02 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 02 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

7. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

### **Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng**

#### 1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

### **Điều 20. Chấm dứt hợp đồng**

#### 1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không thực hiện một trong các nhiệm vụ quy định tại Điều 12 của Hợp đồng [quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn].

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 10 và Điều 22 của Hợp đồng hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23 [khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

ê) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

3. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc

tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

4. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Hình thức hợp đồng, giá hợp đồng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

### **Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng**

#### **1. Quyết toán hợp đồng**

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP. Trong vòng **30 ngày** kể từ ngày hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà thầu trình Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 điều này.

b) Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc của Hợp đồng, bao gồm các công việc phát sinh thuộc trách nhiệm Nhà thầu phải giải quyết theo quy định trong Hợp đồng hoặc trong Phụ lục điều chỉnh, bổ sung, dự án có QĐ Phê duyệt BCKTKT, Biên bản nghiệm thu công tác khảo sát, lập BCKTKT, giao nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ quyết toán cho nhà thầu, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo quy định Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công (Mẫu số 03.a/TT);

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo (Mẫu số 03.c/TT) Nghị định số 99/2021/NĐ-Cp ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công.

- Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (nếu có).

Chủ đầu tư sẽ thanh toán chi phí thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khi có kế hoạch vốn của Cục Đường bộ Việt Nam bố trí và phù hợp với tiến độ giải ngân cho công trình. Nhà thầu sẽ không được tính lãi trong trường hợp phải bỏ vốn trước để thực hiện công trình hoặc khi Chủ đầu tư thanh toán chậm.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Trường hợp quá 60 ngày kể từ ngày hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Chủ đầu tư có văn bản cá biệt đề nghị nhà thầu trình hồ sơ quyết toán hợp đồng theo chỉ đạo tiến độ quyết toán của Cục Đường bộ Việt Nam mà nhà thầu không trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng thì xem như nhà thầu từ chối thanh toán hợp đồng và Chủ đầu tư không có trách nhiệm thanh toán và bố trí vốn để thanh toán cho nhà thầu theo thỏa thuận của hợp đồng.

**2. Thanh lý hợp đồng: Hợp đồng được tự thanh lý sau khi có Biên bản nghiệm thu hết thời hạn bảo hành công trình và hai bên hoàn thành đầy đủ các quyền và**

nghĩa vụ của mình theo hợp đồng hoặc trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điều 20 của Hợp đồng.

**3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm với Nhà thầu các vấn đề liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.**

4. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: việc thanh toán, quyết toán hợp đồng cho các thành viên liên danh được thực hiện theo Thỏa thuận liên danh được ký kết.

### **Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn**

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành cụ thể như sau:

Nghiệm thu Báo cáo kết quả khảo sát: Sau khi Nhà thầu hoàn thành hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra, nghiệm thu Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 34 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Trường hợp Chủ đầu tư phê duyệt nhiệm vụ, phương án kỹ thuật khảo sát bổ sung thì hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát bổ sung cũng được Chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu theo quy định trên.

Nghiệm thu thiết kế: Sau khi hồ sơ Báo cáo KTKT đầu tư xây dựng được Chủ đầu tư trình thẩm định, Chủ đầu tư sẽ thông báo chấp thuận nghiệm thu hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công bằng văn bản đến Nhà thầu tư vấn thiết kế để làm cơ sở chuẩn bị ký Biên bản nghiệm thu thiết kế và thanh quyết toán hợp đồng. Biên bản nghiệm thu Thiết kế bản vẽ thi công sẽ được ký sau khi hồ sơ BCKTKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà thầu Tư vấn thiết kế hoàn thiện theo quyết định duyệt và nộp hồ sơ cho Chủ đầu tư theo quy định của Hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh, bổ sung hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và hồ sơ dự toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và hồ sơ dự toán điều chỉnh, bổ sung phải được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và được Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán theo phụ lục hợp đồng được ký giữa hai bên.

Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

### **Điều 23. Thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng**

1. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

2. Thời gian thực hiện gói thầu: .... ngày, kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày hồ sơ BCKTKT được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát; phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và thời gian thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư; thời gian nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước; thời gian tạm dừng thực hiện Hợp đồng do yêu cầu của chủ đầu tư và các trường hợp bất

khả kháng như mưa bão, dịch bệnh,...). Thời gian thực hiện gói thầu của Tư vấn thiết kế được đánh giá trong Biên bản nghiệm thu thiết kế.

Khi phát sinh các trường hợp khách quan, bất khả kháng dẫn đến phải kéo dài thời gian thực hiện gói thầu của Nhà thầu hoặc thời gian thẩm định của Chủ đầu tư bị kéo dài vì lý do khách quan thì nhà thầu tư vấn báo cáo, đề nghị Chủ đầu tư điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu cần thiết) theo quy định làm cơ sở điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định.

- Giao nộp hồ sơ Báo cáo kết quả khảo sát, hồ sơ BCKTKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt: trong vòng **07 ngày**, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định phê duyệt Dự án;

- Giám sát tác giả: Từ khi gói thầu xây lắp thuộc công trình bắt đầu triển khai thi công đến khi được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

#### **Điều 24. Tạm ứng và thanh toán**

1. Tạm ứng: không áp dụng

2. Tiến độ thanh toán:

Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc của Hợp đồng, bao gồm các công việc phát sinh thuộc trách nhiệm Nhà thầu phải giải quyết theo quy định trong Hợp đồng hoặc trong Phụ lục điều chỉnh, bổ sung, dự án có Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Biên bản nghiệm thu công tác khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, giao nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ quyết toán cho nhà thầu.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán chi phí thực hiện hợp đồng cho nhà thầu khi có kế hoạch vốn của Cục Đường bộ Việt Nam bố trí và phù hợp với tiến độ giải ngân cho công trình. Khi hoàn thành hồ sơ quyết toán, Chủ đầu tư sẽ tiến hành chuyển tiền thanh toán thành 2 đợt (đợt 1 thanh toán 80% giá trị quyết toán; 20% giá trị quyết toán còn lại sẽ được chuyển sau khi có biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng). Nhà thầu sẽ không được tính lãi trong trường hợp phải bỏ vốn trước để thực hiện công trình hoặc khi Chủ đầu tư thanh toán chậm.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành theo hợp đồng.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán theo quy định Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công (Mẫu số 03.a/TT);

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo

(Mẫu số 03.c/TT) Nghị định số 99/2021/NĐ-Cp ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn Đầu tư công.

- Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu (nếu có).
- 4. Đồng tiền thanh toán: Là đồng tiền Việt Nam.
- 5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

### **Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp**

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

### **Điều 26. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại**

1. Phạt vi phạm Hợp đồng:

- Nếu Nhà thầu vi phạm về chất lượng sản phẩm tư vấn sẽ bị xử phạt kinh tế tùy theo mức độ vi phạm, cụ thể như sau:

+ Trường hợp do lỗi trong công tác khảo sát dẫn đến đề xuất giải pháp thiết kế không phù hợp với thực tế hiện trường phải điều chỉnh phương án đã được duyệt thì bị xử phạt 10% phần giá trị hợp đồng vi phạm<sup>1</sup>.

+ Trường hợp do sai sót lỗi số học trong quá trình tính toán khối lượng, dự toán dẫn đến sai lệch và phải điều chỉnh dự toán xây dựng đã duyệt thì phạt 5% phần giá trị hợp đồng vi phạm<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Phần giá trị Hợp đồng vi phạm này được xác định bằng giá trị dự toán xây dựng của hạng mục công việc phải điều chỉnh phương án

<sup>2</sup> Phần giá trị Hợp đồng vi phạm này được xác định bằng giá trị chênh lệch của dự toán xây dựng trước và sau khi điều chỉnh

+ Trường hợp hồ sơ thiết kế vi phạm chất lượng, ngoài việc xử phạt kinh tế như đã nêu trên thì tùy mức độ và tính chất vi phạm, Chủ đầu tư sẽ có văn bản phê bình hoặc cảnh cáo đối với vi phạm thuộc trách nhiệm từng cá nhân nhân sự chủ chốt.

+ Trường hợp sai phạm được đánh giá là nghiêm trọng, Chủ đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét để xử lý cá nhân nhân sự chủ chốt hoặc cấm Tổ chức Tư vấn tham gia thực hiện các công trình do Khu Quản lý đường bộ III làm chủ đầu tư và thông báo rộng rãi trên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

- Nếu Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 21 và khoản 2 Điều 23 của Hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị xử phạt 1% phần giá trị hợp đồng vi phạm cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng vi phạm<sup>1</sup>.

## 2. Bồi thường thiệt hại:

Nếu nhà thầu vi phạm hợp đồng gây ra các tổn thất, thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì nhà thầu có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. Trong đó, có nội dung cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư có cơ sở xác định trường hợp Nhà thầu thi công vi phạm hợp đồng về chất lượng dẫn đến phải tháo dỡ và làm lại do lỗi của Tư vấn thiết kế thì mức bồi thường thiệt hại của Tư vấn thiết kế được xác định bằng tỷ lệ % giữa giá trị hợp đồng Tư vấn thiết kế và giá trị Hợp đồng gói thầu xây lắp nhân (x) với giá trị khối lượng hạng mục phải tháo dỡ và làm lại.

- Chủ đầu tư có cơ sở xác định do lỗi của Tư vấn thiết kế trong công tác khảo sát, thiết kế, sai sót lỗi số học trong quá trình tính toán khối lượng, dự toán gây ra thất thoát, lãng phí hoặc thiệt hại kinh tế cho Nhà nước, Chủ đầu tư và bên thứ ba (nếu có) thì ngoài việc xử phạt vi phạm hợp đồng về chất lượng quy định tại khoản 1 Điều này, Tư vấn thiết kế có trách nhiệm đền bù thất thoát, lãng phí cho Nhà nước, Chủ đầu tư, bồi thường giá trị thiệt hại gây ra cho các bên theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài ra, việc Nhà thầu không hoàn thành trách nhiệm giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định trong hợp đồng để xảy ra thi công sai với thiết kế được duyệt khi nghiệm thu công trình xây dựng hoặc đưa công trình vào sử dụng thì Nhà thầu: (i) liên đới bồi thường thiệt hại kinh tế do lỗi giám sát tác giả gây ra; (ii) xử lý theo quy định của Pháp luật (nếu có); (iii) là cơ sở đánh giá năng lực, kinh nghiệm, uy tín của Nhà thầu.

4. Trường hợp là Nhà thầu liên danh: điều khoản Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại được áp dụng đối với từng thành viên liên danh tương ứng với phần việc đảm nhận của từng thành viên liên danh theo Thỏa thuận liên danh được ký kết.

## Điều 25. Điều khoản chung

**1. Hợp đồng khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình .....có hiệu lực kể từ ngày ký.**

<sup>1</sup> Phần giá trị Hợp đồng vi phạm này được xác định bằng giá trị quyết toán hợp đồng

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện đã quy định trong Hợp đồng.

3. Hợp đồng này được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 05 bản, Nhà thầu giữ 02 bản, Kho bạc nhà nước 01 bản.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.*

*Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.*

*Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**  
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.